

Số: 1189/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 05 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) – Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) theo phương thức đối tác công tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18/6/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27/6/2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 106/2023/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; số 28/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; số 71/2025/NĐ-CP ngày 28/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050; số 1727/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và

sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 90/QĐ-TTg ngày 14/01/2025 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 888/QĐ-TTg ngày 24/07/2023 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương của chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 10/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) - Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) theo phương thức PPP;

Căn cứ Quyết định số 1905/QĐ-BNNMT ngày 04/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) - Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị quyết số 407/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) - Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) đoạn thuộc địa phận tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Văn bản số 1222/TTg-CN ngày 25/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) - Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Báo cáo số 219/BC-HĐTĐLN ngày 09/01/2025 của Hội đồng thẩm định Liên ngành Báo cáo thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) - Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Văn bản số 1299/CĐCTVN-KHTC ngày 24/11/2023 của Cục Đường cao tốc Việt Nam - Bộ Giao thông vận tải về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) - Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) theo phương thức PPP;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lâm Đồng: số 1497/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng - đợt 3 và số 2806/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 về việc giao vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 241/TTr-SXD ngày 05/6/2025 về việc đề nghị phê duyệt Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) - Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) theo phương thức đối tác công tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) - Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) theo phương thức đối tác công tư, bao gồm các nội dung chính sau:

1. Mục tiêu đầu tư dự án:

Từng bước hoàn thành hệ thống đường bộ cao tốc từ Dầu Giây đến Liên Khương theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; nâng cao khả năng kết nối với mạng lưới giao thông Quốc gia, rút ngắn thời gian kết nối các tỉnh Tây Nguyên với khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam và các Trung tâm kinh tế, xã hội, công nghiệp dọc Quốc lộ 20. Nâng cao năng lực vận chuyển hàng hóa, thông thương đối ngoại, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cao, giảm ùn tắc, tai nạn giao thông cho Quốc lộ 20 đang trong tình trạng quá tải, đặc biệt là các điểm đen về giao thông tại khu vực đèo Bảo Lộc.

Tạo bước đột phá kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển du lịch, bảo đảm an ninh quốc phòng của tỉnh Lâm Đồng nói riêng, khu vực Tây Nguyên nói chung; phát huy tối đa hiệu quả đầu tư của dự án cao tốc đoạn Dầu Giây - Tân Phú, Bảo Lộc - Liên Khương.

2. Phạm vi, quy mô dự án và địa điểm thực hiện dự án

2.1. Phạm vi dự án:

Điểm đầu: tại Km59+798,33 (trùng với điểm cuối của Dự án đường cao tốc Dầu Giây - Tân Phú tại cầu vượt trực thông nút giao Quốc lộ 20) thuộc địa phận xã Phú Trung, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Điểm cuối: tại Km125+675, qua nút giao với đường Nguyễn Văn Cừ (cách Quốc lộ 55 khoảng 130m), thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Tổng chiều dài khoảng 65,88 km, đi qua địa bàn tỉnh Đồng Nai dài khoảng 11,91km và địa bàn tỉnh Lâm Đồng dài khoảng 53,97km.

2.2. Quy mô đầu tư:

Loại, nhóm dự án, cấp công trình chính: Dự án nhóm A, công trình giao thông đường bộ, công trình cấp I.

Cấp đường: Giai đoạn hoàn chỉnh, đường cao tốc cấp 80 với vận tốc thiết kế $V_{tk}=80\text{km/h}$ theo TCVN 5729-2012 "Đường cao tốc - Yêu cầu thiết kế".

Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: Theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng.

Quy mô mặt cắt ngang:

- Giai đoạn hoàn chỉnh: Quy mô 4 làn xe cao tốc $B_{nền}=22\text{m}$, $V_{tk}=80\text{km/h}$ theo tiêu chuẩn đường cao tốc TCVN 5729-2012.

- Giai đoạn phân kỳ: Quy mô 04 làn xe, bề rộng nền đường $B_{nền} = 17\text{m}$ có bố trí dừng xe khẩn cấp không liên tục theo tiêu chuẩn TCVN 5729-2012 (Yếu tố hình học theo tiêu chuẩn đường cao tốc TCVN 5729-2012, $V_{tk}=80\text{km/h}$). Tại các đoạn nền đường đào sâu, đắp cao, nút giao liên thông, một số công trình cầu trên đường cao tốc thiết kế mặt cắt ngang theo quy mô giai đoạn hoàn chỉnh với bề rộng $B_{nền} = 22,0\text{m}$ nhằm đảm bảo các yếu tố kỹ thuật của dự án.

Các công trình phục vụ khai thác, vận hành cao tốc: Trung tâm điều hành hệ

thống giao thông thông minh, Trạm thu phí, Trạm cứu hộ cứu nạn, Trạm dừng nghỉ, công trình kiểm soát tải trọng xe... được bố trí đảm bảo đồng bộ, hiệu quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

2.3. Địa điểm thực hiện dự án: tỉnh Đồng Nai và tỉnh Lâm Đồng.

2.4. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

2.4.1. Hướng tuyến: Hướng tuyến đường cao tốc cơ bản theo hướng tuyến trong bước Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 10/11/2022, có điều chỉnh cục bộ tại một số vị trí cho phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định về kỹ thuật và phù hợp tổng thể hướng tuyến theo Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1727/QĐ-TTg ngày 29/12/2023.

2.4.2. Bình đồ: Yếu tố kỹ thuật trên bình đồ bảo đảm vận tốc thiết kế $V_{tk}=80\text{km/h}$ theo tiêu chuẩn đường cao tốc TCVN 5729-2012.

2.4.3. Trắc dọc: phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật, tần suất thiết kế theo cấp đường và các vị trí không chế.

2.4.4. Mặt cắt ngang:

Đường cao tốc: Quy mô mặt cắt ngang giai đoạn phân kỳ: $B_{nền}=17,0\text{m}$ (gồm: mặt đường xe chạy $B_{mặt}=4\times3,5\text{m}=14,0\text{m}$, dải phân cách giữa $B_{pc}=0,5\text{m}$, dải an toàn giữa $B_{atg}=2\times0,5\text{m}=1,0\text{m}$, dải an toàn bên $B_{atb}=2\times0,25\text{m}=0,5\text{m}$ và lề đất $B_{lề}=2\times0,5\text{m}=1,0\text{m}$). Các đoạn nền đường đào sâu đắp cao, nút giao liên thông, một số công trình cầu trên đường cao tốc thiết kế mặt cắt ngang theo quy mô giai đoạn hoàn chỉnh với bề rộng $B_{nền}=22,0\text{m}$ nhằm đảm bảo các yếu tố kỹ thuật của dự án.

Các điểm dừng xe khẩn cấp trên tuyến: Dọc theo tuyến cao tốc, khoảng 4-5km bố trí một vị trí dừng xe khẩn cấp trong cùng 1 chiều xe chạy theo TCCS 42:2022/TCĐBVN.

Đường gom, đường ngang, hoàn trả đường dân sinh: Phù hợp với đường hiện hữu và theo quy hoạch của địa phương, đảm bảo tối thiểu theo quy mô đường giao thông nông thôn theo TCVN 10380:2014.

2.4.5. Nền đường: Bảo đảm các yêu cầu về độ chặt và khả năng chịu tải của nền đất theo quy định.

2.4.6. Mặt đường tuyến chính cao tốc: Mặt đường cấp cao A1, Mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 191 \text{ MPa}$ theo TCCS 38:2022/TCĐBVN.

2.4.7. Thiết kế giao cắt: Xây dựng nút giao liên thông và trực thông (bố trí cầu vượt hoặc hầm giao thông dân sinh) đảm bảo khai thác an toàn, kết nối, đi lại thuận lợi, cụ thể:

a) Nút giao liên thông: giai đoạn phân kỳ bố trí 03 vị trí nút giao¹, cụ thể:

¹ Nút giao IC-01 (là nút giao đầu tuyến) thuộc phạm vi đầu tư của Dự án đường cao tốc Giàu Dây – Tân Phú.

TT	Tên Nút giao	Lý trình	Khoảng cách (Km)	Đường ngang	Ghi chú
1	IC-02	Km74+400	14,3	ĐT.721	Nút giao bán hoa thị
2	IC-03	Km114+140	39,74	Đường Lý Thái Tổ	Nút giao bán hoa thị
3	IC-04	Km125+550	11,41	Đường Nguyễn Văn Cừ	Nút cuối tuyến

b) Nút giao trực thông: xây dựng 07 cầu trên các tuyến đường ngang vượt qua cao tốc và 03 cầu trên nhánh nút giao vượt cao tốc; dự kiến bố trí 30 hầm chui dân sinh.

2.4.8. Công trình cầu:

Công trình cầu thiết kế bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực theo tiêu chuẩn TCVN 11823:2017 "Thiết kế cầu đường bộ", tải trọng thiết kế HL93. Mố, trụ bằng bê tông cốt thép trên nền thiên nhiên hoặc hệ móng cọc khoan nhồi.

Bề rộng cầu: Tùy theo từng vị trí mà công trình cầu trên đường cao tốc thiết kế mặt cắt ngang phù hợp với khổ nền đường theo quy mô giai đoạn hoàn chỉnh hoặc theo quy mô giai đoạn phân kỳ; công trình cầu trong nút giao, cầu vượt ngang, cầu trên đường gom thiết kế mặt cắt ngang phù hợp với khổ nền đường.

Số lượng cầu trên tuyến chính như sau:

TT	Hạng mục	Số lượng
1	Cầu trên tuyến chính	31 cầu
2	Cầu vượt ngang	10 cầu
3	Cầu trên đường gom	01 cầu

(Chi tiết công trình cầu theo phụ lục đính kèm)

2.4.9. Hệ thống công trình phục vụ quản lý và khai thác:

a) *Hệ thống thu phí*: Tổ chức thu phí tự động khép kín, có tổ chức quản lý vận hành khai thác phù hợp, đảm bảo thống nhất, đồng bộ hiệu quả. Có 02 trạm thu phí đặt trên tuyến chính của cao tốc (Km60+170 và Km124+210) và các trạm thu phí đặt trên tuyến nhánh (nút giao IC02 và nút giao IC03).

b) *Hệ thống ITS*: Hệ thống giao thông thông minh (ITS) được đầu tư hiện đại, đảm bảo thuận lợi trong việc kiểm soát, điều khiển giao thông trên toàn tuyến và đồng bộ với các dự án cao tốc hiện nay.

c) *Trung tâm điều hành giao thông (TMC)*: Xây dựng TMC tại Km106+300 phía phải tuyến thuộc địa phận xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng với quy mô khoảng 1,5ha.

d) *Trạm cứu hộ cứu nạn*: tại Km105+400 phía trái tuyến thuộc xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm với quy mô là 1,5ha.

đ) *Công trình kiểm soát tải trọng xe*: Bố trí công trình kiểm soát tải trọng xe tại các nhánh vào đường cao tốc theo quy định.

2.4.10. Công trình khác:

a) *Hệ thống đường gom*:

Bố trí hệ thống đường gom kết hợp với công trình dân sinh (cổng chui hoặc cầu vượt dân sinh) để phục vụ dân cư hai bên tuyến.

Với đường gom, đường ngang là đường Quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện được hoàn trả phù hợp theo quy mô, cấp đường hiện trạng hoặc theo quy hoạch.

b) *Hệ thống thoát nước*: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang, thoát nước siêu cao... đảm bảo thoát nước theo quy định và thống nhất với các cơ quan quản lý về thủy lợi, địa phương.

c) *Hệ thống an toàn giao thông, chiếu sáng*: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông theo các quy định hiện hành. Bố trí công trình chiếu sáng tại các vị trí nút giao.

d) *Công trình phòng hộ*: Công trình gia cố phòng hộ bố trí đảm bảo tuyến đường ổn định trong quá trình khai thác, đồng thời kết hợp với các công trình khác tạo cảnh quan và dẫn hướng, chỉ dẫn cho người lái xe.

đ) *Trạm dừng nghỉ*:

Trạm dừng nghỉ đề xuất đặt tại Km77+000 thuộc xã Đạ Oai, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng (đầu tư 02 bên quy mô khoảng 03 ha/trạm/01 bên).

Trạm dừng nghỉ được triển khai hoàn thành đồng bộ cùng tuyến cao tốc để đảm bảo điều kiện vận hành của tuyến đường cao tốc, thuộc hạng mục công trình dự án phù hợp quy định Điều 52 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; Điều 51 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Các hạng mục công trình trạm dừng nghỉ đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 43:2024/BGTVT và các quy định khác có liên quan.

3. Tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi

Liên danh Công ty CP tư vấn xây dựng Hoàng Long và Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng A2Z.

4. Thời gian thực hiện dự án: Chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án từ năm 2022 - 2027; hoàn thành đưa vào khai thác Quý IV năm 2027.

5. Nhu cầu sử dụng đất

a) Tổng nhu cầu sử dụng đất của Dự án dự kiến khoảng 500,64 ha (trong đó: tỉnh Đồng Nai khoảng 86,34 ha, tỉnh Lâm Đồng khoảng 414,3 ha). Phạm vi giải phóng mặt bằng theo quy mô hoàn chỉnh 4 làn xe cao tốc với nền đường rộng 22m.

b) Diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng rừng là 145,69 ha (rừng tự nhiên 100,5 ha, rừng trồng 45,19 ha), trong đó: tỉnh Đồng Nai là 41,44 ha (rừng tự nhiên

3,08 ha, rừng trồng 38,36 ha); tỉnh Lâm Đồng là 104,25 ha (rừng tự nhiên 97,42 ha, rừng trồng 6,83 ha).

6. Phương thức đầu tư, loại hợp đồng dự án

Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT).

7. Tổng mức đầu tư (giai đoạn phân kỳ): 18.002 tỷ đồng (Mười tám nghìn, không trăm linh hai tỷ đồng), trong đó:

- Chi phí giải phóng mặt bằng : 2.877 tỷ đồng.
- Chi phí xây dựng và thiết bị : 11.213 tỷ đồng.
- Chi phí quản lý dự án, Tư vấn, chi phí khác : 760 tỷ đồng.
- Chi phí dự phòng : 2.058 tỷ đồng.
- Lãi vay trong thời gian thi công: : 1.094 tỷ đồng.

8. Cơ cấu nguồn vốn cho dự án

a) Vốn Ngân sách nhà nước tham gia dự án: 6.500 tỷ đồng (chiếm 36,11% tổng mức đầu tư), trong đó: Vốn ngân sách Trung ương 2.000 tỷ đồng; Vốn ngân sách địa phương bố trí 4.500 tỷ đồng.

b) Vốn thực hiện dự án của Nhà đầu tư khoảng 11.502 tỷ đồng (chiếm 63,89% tổng mức đầu tư), trong đó: Vốn chủ sở hữu khoảng 1.725 tỷ đồng (chiếm 15% tổng mức đầu tư không bao gồm vốn ngân sách Nhà nước), Vốn Nhà đầu tư huy động khoảng 9.777 tỷ đồng (chiếm 85% tổng mức đầu tư không bao gồm vốn ngân sách Nhà nước).

9. Phương thức quản lý và sử dụng vốn ngân sách nhà nước

a) Vốn ngân sách nhà nước chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư khoảng **2.876,589 tỷ đồng**, được tách thành các Tiểu dự án và giao Chủ đầu tư triển khai thực hiện theo quy định, gồm:

- Tiểu dự án 1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hạ tầng kỹ thuật) thuộc địa phận huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, giá trị khoảng **419,585 tỷ đồng**, nguồn vốn ngân sách nhà nước; do UBND tỉnh Đồng Nai tổ chức thực hiện².

- Tiểu dự án 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hạ tầng kỹ thuật) thuộc địa phận huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng, giá trị khoảng **735,669 tỷ đồng**, nguồn vốn ngân sách nhà nước, giao Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh làm Chủ đầu tư.

- Tiểu dự án 3: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hạ tầng kỹ thuật) thuộc địa phận huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, giá trị khoảng **343,750 tỷ đồng**, nguồn vốn ngân sách nhà nước, giao Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh làm Chủ đầu tư.

- Tiểu dự án 4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hạ tầng kỹ thuật)

² Theo Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án số 1386/QĐ-TTg ngày 10/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

thuộc địa phận thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, giá trị khoảng **1.377,585** tỷ đồng, nguồn vốn ngân sách nhà nước, giao Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh làm Chủ đầu tư.

Chi phí thực tế của các tiểu dự án bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ được xác định cụ thể theo phương án bồi thường giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình tạm và hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; chi phí chuẩn bị dự án, tổ chức lựa chọn Nhà đầu tư, ký kết hợp đồng của cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu thuộc dự án khoảng **3.623 tỷ đồng**.

c) Giá trị vốn nhà nước tại điểm a và điểm b nêu trên chiếm tỷ lệ 36,11% tổng mức đầu tư giai đoạn phân kỳ.

d) Phương thức quản lý và sử dụng vốn nhà nước: vốn ngân sách nhà nước tại điểm a, b khoản này được quản lý và sử dụng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 70, Điều 72, Điều 73 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020 (Luật PPP năm 2020) và quy định có liên quan.

10. Phương án tài chính dự án

10.1. Các thông số chủ yếu:

Tổng mức đầu tư của dự án khoảng 18.002 tỷ đồng, trong đó: vốn nhà đầu tư khoảng 11.502 tỷ đồng (vốn chủ sở hữu khoảng 1.725 tỷ đồng, Vốn Nhà đầu tư huy động khoảng 9.777 tỷ đồng); vốn nhà nước tham gia dự án 6.500 tỷ đồng.

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu: 15% tổng vốn đầu tư BOT (không bao gồm phần vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án).

Lãi suất vốn vay và lợi nhuận vốn chủ sở hữu:

- Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu: 12,23%/năm;
- Lãi suất vốn vay, vốn huy động hợp pháp khác: 10,67%/năm.

Mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ theo từng giai đoạn:

Giai đoạn	2028-2030	2031-2033	2034-2036	2037-2039	2040-2042	2043-2045	2046-2048	2049-2051
Mức cước phí (đồng/xe tiêu chuẩn/km)	2.000	2.300	2.645	3.042	3.498	4.023	4.625	5.320

Mức giá dịch vụ giữa các nhóm xe còn lại so với xe nhóm 1 tham khảo theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2021/TT-BGTVT ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Trong giai đoạn tiếp theo, căn cứ điều kiện thực tế của địa phương tiếp tục khảo sát đánh giá các dữ liệu bảo đảm tính hợp lý của nguồn thu, khả năng thu hồi vốn cho nhà đầu tư và các rủi ro liên quan.

Chi phí quản lý, vận hành khai thác, bảo trì đường cao tốc và các chi phí, thông số khác dùng để tính toán phương án tài chính được xác định theo các quy định hiện hành.

10.2. Kết quả tính toán hiệu quả tài chính:

- Giá trị hiện tại ròng (NPV) : 73,62 tỷ đồng > 0 tỷ đồng.
- Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR) : 11,04%.
- Tỷ suất lợi ích/Chi phí (B/C) : 1,008 > 1.
- Chi phí sử dụng vốn bình quân (WACC) : 10,93%.
- Thời gian thu phí, hoàn vốn : **23 năm 9 tháng.**

11. Tên cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, bên mời thầu, nhà đầu tư đề xuất dự án

Cơ quan có thẩm quyền: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Cơ quan ký kết hợp đồng: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Bên mời thầu: Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh Lâm Đồng.

Nhà đầu tư đề xuất dự án: Liên danh các Nhà đầu tư gồm Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Công ty cổ phần Tập đoàn Hưng Thịnh và Công ty cổ phần Tập đoàn Nam Miền Trung (do Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả làm đại diện Liên danh các Nhà đầu tư).

12. Hình thức và thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư

Hình thức lựa chọn nhà đầu tư: Đấu thầu rộng rãi trong nước. Nhà đầu tư đề xuất dự án được hưởng mức ưu đãi theo quy định của pháp luật trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư.

Thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư: năm 2025.

13. Ưu đãi và bảo đảm đầu tư

Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được hưởng các ưu đãi, đảm bảo đầu tư theo quy định Điều 79, Điều 80 Luật PPP năm 2020.

14. Cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu

Dự án không áp dụng cơ chế chia sẻ phần doanh thu giảm so với phương án tài chính của dự án. Phần doanh thu tăng được tính toán chia sẻ theo quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật PPP, Nghị định số 35/2021/NĐ-CP, Nghị định số 28/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định có liên quan.

15. Nội dung khác

Số bước thiết kế: Thiết kế 3 bước (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công).

Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo danh mục tiêu chuẩn được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt tại Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 6/6/2023, các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành khác có liên quan và sẽ tiếp tục được cập nhật, bổ sung trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ban, ngành: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh và các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện, hướng dẫn, phối hợp, kiểm tra thực hiện các nội dung tại Quyết định này đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh làm đại diện cơ quan có thẩm quyền, trong quá trình thực hiện dự án có trách nhiệm:

a) Thực hiện trách nhiệm bên mời thầu; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập, hoàn thiện hồ sơ mời thầu, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt hồ sơ mời thầu. Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức đàm phán hợp đồng dự án; trên cơ sở kết quả đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, báo cáo cơ quan có thẩm quyền tổ chức ký kết hợp đồng với Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án và công khai thông tin hợp đồng dự án theo quy định tại Điều 9 và Điều 49 Luật PPP năm 2020.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, giám sát việc tuân thủ các nghĩa vụ của Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án theo quy định tại hợp đồng dự án, bảo đảm tuân thủ quy định, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, không để thất thoát, lãng phí.

d) Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm cả công tác di dời hạ tầng kỹ thuật) đối với các Tiểu dự án 2, 3, 4 tại điểm a khoản 9 Điều 1 quyết định này.

3. Đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm cả công tác di dời hạ tầng kỹ thuật) đối với Tiểu dự án 1 tại điểm a khoản 9 Điều 1 quyết định này.

4. Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (đại diện Liên danh Nhà đầu tư đề xuất dự án):

Chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc hoàn thiện hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo Báo cáo thẩm định số 219/BC-HĐTĐLN ngày 09/01/2025 của Hội đồng thẩm định liên ngành và các góp ý của các Sở, ngành, đơn vị liên quan.

Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các số liệu, tài liệu hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi, hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường và năng lực của các tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Giao nộp hồ sơ và tài liệu cần thiết theo quy định cho các cơ quan có liên quan để triển khai các công việc tiếp theo và lưu trữ theo quy định hiện hành.

Tổ chức thực hiện cấm cọc giải phóng mặt bằng của dự án và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của toàn bộ các công tác này.

5. Trong bước triển khai tiếp theo, Nhà đầu tư, các đơn vị tư vấn và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm:

Tiếp tục nghiên cứu, thực hiện các nội dung lưu ý trong Báo cáo thẩm định số 219/BC-HĐTĐLN ngày 09/01/2025 của Hội đồng thẩm định liên ngành và các góp ý của các Sở, ngành, đơn vị liên quan.

Tổ chức khảo sát chi tiết, thí nghiệm đầy đủ tính chất cơ lý của vật liệu (đặc biệt là mô vật liệu cát, đất đắp, đá), thu thập các số liệu về địa hình, địa chất, thủy văn, tính toán để xây dựng giải pháp thiết kế, biện pháp tổ chức thi công phù hợp, bảo đảm ổn định công trình, hiệu quả kinh tế - kỹ thuật.

Quản lý chặt chẽ khối lượng, chất lượng, tiến độ và chi phí đầu tư xây dựng, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm hiệu quả, công khai, minh bạch, không để thất thoát, lãng phí.

Thực hiện bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1905/QĐ-BNNMT ngày 04/6/2025 và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Thực hiện các thủ tục có liên quan đến chuyển mục đích sử dụng rừng của dự án theo quy định.

6. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Đạ Huoai, Bảo Lâm; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Bảo Lộc; Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (đại diện Liên danh Nhà đầu tư đề xuất dự án) và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *nl*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: TC, XD, NN&MT;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- UBND tỉnh Đồng Nai (phối hợp t/h);
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, GT.

CHỦ TỊCH



Trần Hồng Thái



PHỤ LỤC

Danh sách công trình cầu thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) – Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) theo phương thức đối tác công tư

(Kèm theo Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

TT	Lý trình	Sơ đồ nhịp	Chiều dài cầu (m)	Bề rộng cầu (m)	Loại kết cấu nhịp
I	Cầu trên tuyến chính:				
1	Km59+853	1x24	40,1	22,5	Dầm I
2	Km60+473	1x24	36,1	17,5	Dầm I
3	Km65+287	1x38,2	52,4	17,5	Dầm Super T
4	Km68+124	1x24	40,1	17,5	Dầm I
5	Km71+830	2x33	82,15	17,5	Dầm I
6	Km73+750	1x24	40,1	17,5	Dầm I
7	Km74+113.88	1x33	47,1	22,5	Dầm I
8	Km76+147	39,1+4x40+39,1	254,4	17,5	Dầm Super T
9	Km79+114	33,85+26x34,7+33,85	982,1	29,4	Dầm I
10	Km79+939	39,1+5x40+39,1	290,4	22,5	Dầm Super T
11	Km80+254	2x33	77,15	22,5	Dầm I
12	Km81+157	33,85+9x34,7+33,85	392,2	27,9	Dầm I
13	Km81+451	33,85+34,7+33,85	114,6	22,5	Dầm I
14	Km85+523	39,1+2x40+39,1	170,4	17,5	Dầm Super T
15	Km87+222	33,85+4x34,7+33,85	218,7	23,15	Dầm I
16	Km87+460	33,85+34,7+33,85	114,6	23,15	Dầm I
17	Km87+848	39,1+3x40+39,1	210,4	17,5	Dầm Super T
18	Km91+486	33,85+3x34,7+33,85	184	24,2	Dầm I
19	Km92+874	39,1+7x40+39,1	374,4	17,5	Dầm Super T
20	Km95+564	39,1+11x40+39,1	534,4	17,5	Dầm Super T
21	Km97+676	39,1+10x40+39,1	490,4	17,5	Dầm Super T
22	Km99+559	39,1+4x40+39,1	254,4	17,5	Dầm Super T
23	Km101+329	39,1+4x40+39,1	254,4	17,5	Dầm Super T
24	Km102+137	33,85+10x34,7+33,85	426,9	24,2	Dầm I

TT	Lý trình	Sơ đồ nhịp	Chiều dài cầu (m)	Bề rộng cầu (m)	Loại kết cấu nhịp
25	Km103+229	39,1+6x40+39,1	330,4	17,5	Dầm Super T
26	Km107+944	39,1+7x40+39,1	370,4	17,5	Dầm Super T
27	Km109+029	39,1+2x40+39,1	170,4	22,5	Dầm Super T
28	Km110+073	2x39,1+75+3x120+75+39,1+5x40+39,1	881,1	22,5	Đúc hẫng + Super T
29	Km111+783	39,1+6x40+39,1	327,9	22,5	Dầm Super T
30	Km117+365	39,1+5x40+39,1	290,4	17,5	Dầm Super T
31	Km124+784	1x33	45,1	22,5	Dầm I
II Cầu vượt trên đường ngang					
1	Km83+880	1x38,2	50,4	7,5	Dầm Super T
2	Km113+791	1x38,2	50,3	7,5	Dầm Super T
3	Km115+240	1x38,2	50,3	7,5	Dầm Super T
4	Km116+770	9+40+9	78	9	Dầm Super T + dầm bản
5	Km120+180	1x38,2	53,3	7,5	Dầm Super T
6	Km122+020	1x33	43,1	7,5	Dầm I
7	Km122+526	9+33+9	59,3	7,5	Dầm I + dầm bản
8	Km124+400	1x40	50,3	9	Dầm I
9	Km125+502	2x17,5	51,1	11	Dầm bản rộng
10	Km125+592	2x17,5	45,1	11	Dầm bản rộng
III Cầu trên đường gom					
1	Km59+853	1x24	34,1	7,5	Dầm I